

ĐIỂM THI

PHẦN IV: ĐƯỜNG LỐI, CHÍNH SÁCH CỦA ĐẢNG, NHÀ NƯỚC VIỆT NAM VỀ
CÁC LĨNH VỰC CỦA ĐỜI SỐNG XÃ HỘI
LỚP TCLLCT-HC HỆ KHÔNG TẬP TRUNG KHÓA 7, TẠI ĐUK DOANH NGHIỆP TỈNH

STT	Họ và tên	Số báo danh	Số phách	Điểm thi	Bảng chữ	Ghi chú
1	Bùi Văn Bạch	01	62	7.0	Bảy	
2	Dương Thị Đức Bình	02	43	7.5	Bảy rưỡi	
3	Nguyễn Đức Bình	03	91	8.0	Tám	
4	Ma Đình Bộ	04	49	7.0	Bảy	
5	Lê Huy Cương	05	63	8.0	Tám	
6	Bùi Đức Cường	06	46	7.5	Bảy rưỡi	
7	Phạm Việt Cường	07	89	7.5	Bảy rưỡi	
8	Phạm Ngọc Cường	08	88	7.5	Bảy rưỡi	
9	Quách Đắc Duân	09	07	7.0	Bảy	
10	Nguyễn Thị Mỹ Dung	10	57	7.5	Bảy rưỡi	
11	Dương Ngọc Dũng	11	71	7.0	Bảy	
12	Nguyễn Quốc Dũng	12	44	7.5	Bảy rưỡi	
13	Trần Văn Dũng	13	64	7.0	Bảy	
14	Trần Văn Duyên	14	48	7.0	Bảy	
15	Nguyễn Thắng Đại	15	12	7.0	Bảy	
16	Mẫn Quốc Đáng	16	78	7.0	Bảy	
17	Hoàng Minh Đạt	17	61	7.5	Bảy rưỡi	
18	Nguyễn Thị Diệp	18	58	7.0	Bảy	
19	Nguyễn Văn Đoài	19	54	7.0	Bảy	
20	Ngô Thị Mai Đoan	20	86	7.5	Bảy rưỡi	
21	Lê Anh Đồng	21	52	7.5	Bảy rưỡi	

STT	Họ và tên	Số báo danh	Số phách	Điểm thi	Bằng chữ	Ghi chú
22	Trần Minh Đức	22	59	7.0	Bảy	
23	Triệu Hà Đức	23	20	7.0	Bảy	
24	Lê Thị Hà	24	75	8.0	Tám	
25	Lê Thu Hà	25	94	8.5	Tám rưỡi	
26	Nguyễn Tiến Hải	26	60	7.5	Bảy rưỡi	
27	Trịnh Thanh Hải	27	47	7.0	Bảy	
28	Dương Sơn Hải	28	45	7.5	Bảy rưỡi	
29	Đoàn Thị Hằng	29	85	8.0	Tám	
30	Phạm Thị Hằng	30	50	7.5	Bảy rưỡi	
31	Lâm Thúy Hằng	31	09	7.0	Bảy	
32	Dương Văn Hiền	32	69	7.5	Bảy rưỡi	
33	Từ Như Hiện	33	70	7.5	Bảy rưỡi	
34	Đào Văn Hiệp	34	06	7.0	Bảy	
35	Ma Thị Hoài	35	51	8.0	Tám	
36	Ngô Thượng Hoan	36	24	7.0	Bảy	
37	Ngô Trần Hoàng	37	14	7.0	Bảy	
38	Đỗ Huy Hoàng	38	38	7.0	Bảy	
39	Bùi Hải Hùng	39	02	7.0	Bảy	
40	Bùi Ngọc Hùng	40	55	7.0	Bảy	
41	Vũ Thành Hưng	41	04	7.0	Bảy	
42	Đỗ Thị Thu Hương	42	81	8.0	Tám	
43	Hà Thị Thu Hương	43	26	8.0	Tám	
44	Nguyễn Thu Hương	44	22	8.0	Tám	
45	Ngô Quang Huy	45	-	-	-	Vắng thi
46	Trần Văn Khánh	46	28	7.0	Bảy	
47	Trần Mạnh Khương	47	08	7.0	Bảy	
48	Đào Trung Kiên	48	10	7.0	Bảy	
49	An Xuân Lâm	49	56	7.0	Bảy	

lt

STT	Họ và tên	Số báo danh	Số phách	Điểm thi	Bằng chữ	Ghi chú
50	Nguyễn Thị Mai Lan	50	01	7.0	Bảy	
51	Lương Thị Ngọc Lan	51	67	8.0	Tám	
52	Phan Hồng Linh	52	27	7.0	Bảy	
53	Vũ Đăng Linh	53	95	8.0	Tám	
54	Phạm Hồng Long	54	73	8.0	Tám	
55	Ngô Thị Thu Mai	55	68	8.0	Tám	
56	Trịnh Thị Minh	56	31	7.0	Bảy	
57	Nguyễn Hoàng Nam	57	19	7.0	Bảy	
58	Mai Thị Thu Nga	58	42	8.0	Tám	
59	Trần Đại Nghĩa	59	25	7.0	Bảy	
60	La Thị Thủy Nguyên	60	84	7.5	Bảy rưỡi	
61	Tạ Văn Nguyễn	61	35	7.0	Bảy	
62	Đinh Thành Nhân	62	03	7.0	Bảy	
63	Nguyễn Minh Nhì	63	65	7.0	Bảy	
64	Phan Thị Nhuận	64	33	7.5	Bảy rưỡi	
65	Ngô Văn Ninh	65	15	6.5	Sáu rưỡi	
66	Âu Văn Phương	66	05	7.0	Bảy	
67	Đào Văn Quân	67	18	7.0	Bảy	
68	Đinh Ngọc Quang	68	36	7.0	Bảy	
69	Trần Văn Quý	69	29	7.0	Bảy	
70	Hà Thu Quỳnh	70	-	-	-	Vắng thi
71	Luân Thị Sơn	71	16	7.0	Bảy	
72	Lê Quang Sơn	72	17	7.5	Bảy rưỡi	
73	Bùi Tuấn Thăng	73	72	7.5	Bảy rưỡi	
74	Nguyễn Ngọc Thắng	74	41	7.5	Bảy rưỡi	
75	Lâm Ngọc Thắng	75	77	7.5	Bảy rưỡi	
76	Hoàng Quang Thành	76	39	7.5	Bảy rưỡi	
77	Hoàng Xuân Thi	77	66	7.5	Bảy rưỡi	

STT	Họ và tên	Số báo danh	Số phách	Điểm thi	Bằng chữ	Ghi chú
78	Vũ Đình Thìn	78	74	7.0	Bảy	
79	Đặng Đức Thịnh	79	40	7.5	Bảy rưỡi	
80	Nguyễn Đức Thọ	80	37	7.5	Bảy rưỡi	
81	Trần Văn Thuận	81	23	7.0	Bảy	
82	Đào Thị Anh Thương	82	21	7.5	Bảy rưỡi	
83	Nguyễn Tài Tiến	83	13	7.0	Bảy	
84	Bùi Gia Toán	84	32	7.0	Bảy	
85	Nguyễn Thị Thu Trang	85	76	8.0	Tám	
86	Lê Thị Thu Trang	86	90	8.0	Tám	
87	Vũ Thị Huyền Trang	87	53	7.0	Bảy	
88	Vũ Thái Trường	88	34	7.0	Bảy	
89	Phạm Hồng Tuân	89	93	7.5	Bảy rưỡi	
90	Phạm Văn Tuân	90	97	7.5	Bảy rưỡi	
91	Nguyễn Ngọc Tuấn	91	11	7.5	Bảy rưỡi	
92	Đỗ Trọng Tuệ	92	30	7.0	Bảy	
93	Nguyễn Huy Tùng	93	80	7.0	Bảy	
94	Nguyễn Thị Tuyên	94	92	8.0	Tám	
95	Hoàng Văn Tuyển	95	79	7.5	Bảy rưỡi	
96	Trần Thị Tổ Uyên	96	96	7.5	Bảy rưỡi	
97	Phạm Thị Khánh Vân	97	83	8.0	Tám	
98	Vũ Thanh Việt	98	87	8.0	Tám	
99	Nguyễn Thị Lý	99	82	8.0	Tám	Phần IV-K6 DUK Doanh nghiệp

TRƯỜNG PHÒNG ĐÀO TẠO

KHOA XDĐ

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Phúc Ái



Ngô Thị Hồng Nhung



Phạm Minh Chuyên